



**PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO GIẢNG VIÊN TRONG BỐI CẢNH
ĐỔI MỚI GIÁO DỤC: PHÂN TÍCH TỪ MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**DEVELOPING DIGITAL COMPETENCE AMONG LECTURERS IN THE
CONTEXT OF EDUCATIONAL INNOVATION: EVIDENCE FROM
SELECTED UNIVERSITIES IN HO CHI MINH CITY**

Vũ Thị Thu Hường*

Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Thành phố Hồ Chí Minh

*vuthithuong141978@gmail.com

Ngày nhận bài:

25/4/2026

Ngày chấp nhận đăng:

17/8/2026

Keywords: digital competence; university lecturers; digital transformation; educational innovation; Ho Chi Minh City.

Từ khóa: năng lực số; giảng viên đại học; chuyển đổi số; đổi mới giáo dục; Thành phố Hồ Chí Minh.

ABSTRACT

Digital transformation is reshaping governance, training, learning-resource development, teaching, assessment, and learner support in higher education. This study reviews theoretical perspectives on lecturers' digital competence and analyzes secondary data from selected studies, reports, and publicly available information concerning universities in Ho Chi Minh City. The findings indicate that lecturers generally possess a relatively positive foundation in technology use and access to digital tools; however, competence in digital learning design, digital assessment, learning analytics, and fostering students' digital competence remains uneven. Accordingly, the article proposes five groups of measures: establishing a digital competence framework; providing needs-based professional development; introducing mechanisms for assessment and recognition; strengthening teaching practice in digital environments; and improving infrastructure and support systems. The study offers practical implications for higher education institutions seeking to align staff development with their digital transformation strategies.

TÓM TẮT

Chuyển đổi số đang làm thay đổi quản trị, đào tạo, phát triển học liệu, giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ người học trong giáo dục đại học. Nghiên cứu này hệ thống hóa cơ sở lý luận về năng lực số của giảng viên và phân tích dữ liệu thứ cấp từ một số nghiên cứu, báo cáo và thông tin công khai của các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy giảng viên đã có nền tảng tương đối tích cực về sử dụng công nghệ và tiếp cận công cụ số, nhưng năng lực thiết kế học tập số, đánh giá số, phân tích dữ liệu học tập và phát triển năng lực số cho sinh viên còn chưa đồng đều. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất năm nhóm giải pháp: xây dựng khung năng lực số; tổ chức bồi dưỡng theo nhu cầu; thiết lập cơ chế đánh giá và công nhận; tăng cường thực hành dạy học trong môi trường số; và hoàn thiện hạ tầng cùng hệ thống hỗ trợ. Kết quả nghiên cứu cung cấp gợi ý cho các cơ sở giáo dục đại học khi xây dựng lộ trình phát triển đội ngũ gắn với chiến lược chuyển đổi số.

1. Giới thiệu

Trong những năm gần đây, chuyển đổi số đã trở thành xu thế tất yếu trong nhiều lĩnh vực, trong đó giáo dục và đào tạo chịu tác động sâu rộng. Ở Việt Nam, Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ đã xác lập định hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 (Thủ tướng Chính phủ, 2022). Đối với giáo dục đại học, yêu cầu đổi mới quản trị, phát triển dữ liệu và học liệu số, tổ chức dạy học số, đồng thời nâng cao năng lực đội ngũ ngày càng trở nên cấp thiết.

Trong chuyển đổi số giáo dục đại học, giảng viên giữ vai trò trung tâm. Hạ tầng, nền tảng và kho học liệu số chỉ phát huy hiệu quả khi giảng viên có khả năng lựa chọn, thiết kế, tích hợp công nghệ, tổ chức hoạt động học tập và đánh giá người học phù hợp. Vì vậy, năng lực số của giảng viên không chỉ là kỹ năng sử dụng công cụ mà còn bao gồm năng lực sư phạm, nghiên cứu, hợp tác và hành xử có trách nhiệm trong môi trường số.

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những trung tâm giáo dục đại học lớn của cả nước, tập trung nhiều cơ sở đào tạo công lập và ngoài công lập với quy mô, lĩnh vực đào tạo đa dạng. Điều kiện này thuận lợi cho việc triển khai các mô hình đào tạo hiện đại, nhưng đồng thời tạo áp lực đối với giảng viên trong cập nhật công nghệ, đổi mới phương pháp và bảo đảm chất lượng đào tạo. Do đó, việc phân tích năng lực số của giảng viên tại một số trường đại học trên địa bàn có ý nghĩa trong nhận diện thực trạng và cung cấp căn cứ đề xuất giải pháp phát triển đội ngũ.

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu. Nguồn dữ liệu gồm văn bản chính sách, các khung năng lực số, nghiên cứu đã công bố và thông tin công khai của một số trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh. Các số liệu khảo sát được kế thừa từ nguồn thứ cấp, không phải dữ liệu do tác giả trực tiếp thu thập. Việc lựa chọn trường hợp nhằm minh họa sự khác biệt về bối cảnh chuyển đổi số; do đó, kết quả không đại diện cho toàn bộ đội ngũ giảng viên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nội dung

2.1 Khái niệm năng lực số và năng lực số của giảng viên đại học

Theo khoản 1 Điều 2 Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năng lực số là khả năng sử dụng công nghệ số để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể hoặc giải quyết vấn đề trong thực tiễn (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025). Trong bối cảnh chuyển đổi số, khái niệm này không chỉ đề cập khả năng vận hành thiết bị, phần mềm mà còn bao hàm việc huy động kiến thức, kỹ năng và thái độ để khai thác công nghệ số hiệu quả, an toàn, có trách nhiệm và phù hợp với mục tiêu nghề nghiệp.

Đối với giảng viên đại học, công nghệ số được tích hợp vào nhiều hoạt động chuyên môn như thiết kế bài giảng và học liệu, tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, hỗ trợ người học, hợp tác học thuật, nghiên cứu và tham gia quản trị đại học. Trong phạm vi bài viết, năng lực số của giảng viên đại học được hiểu là tổ hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ giúp giảng viên lựa chọn, khai thác, sáng tạo và ứng dụng công nghệ số nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng trong môi trường giáo dục số.

2.2 Một số khung năng lực số và gợi ý vận dụng đối với giảng viên đại học

Việc xác lập khung năng lực số cho giảng viên có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Đây là cơ sở để cơ sở giáo dục đại học nhận diện yêu cầu đối với đội ngũ, xây dựng tiêu chí đánh giá, xác định nhu cầu bồi dưỡng và thiết kế lộ trình phát triển nghề nghiệp. Dù được hình thành trong những bối cảnh khác nhau, các khung năng lực hiện nay đều nhấn mạnh rằng năng lực số không chỉ là khả năng sử dụng công nghệ mà còn là năng lực tích hợp công nghệ vào giảng dạy, đánh giá, nghiên cứu, hợp tác chuyên môn và hỗ trợ người học.

Khung năng lực số dành cho nhà giáo (DigCompEdu) do Trung tâm Nghiên cứu Chung của Ủy ban châu Âu xây dựng gồm 22 năng lực thuộc 6 lĩnh vực: (1) gắn kết nghề nghiệp; (2) tài nguyên số; (3) dạy học và học tập; (4) đánh giá; (5) trao quyền cho người học; và (6) hỗ trợ

người học phát triển năng lực số. Điểm nổi bật của DigCompEdu là đặt năng lực số trong mối liên hệ chặt chẽ với năng lực sư phạm và sự phát triển của người học (Redecker, 2017).

Khung năng lực công nghệ thông tin và truyền thông cho giáo viên của UNESCO (ICT Competency Framework for Teachers, Version 3) tổ chức năng lực theo ba cấp độ phát triển và sáu khía cạnh thực hành nghề nghiệp. Cách tiếp cận này cho thấy năng lực số cần được xem là một bộ phận của năng lực nghề nghiệp tổng thể, gắn với chính sách giáo dục, chương trình và đánh giá, phương pháp sư phạm, kỹ năng số, tổ chức nhà trường và phát triển chuyên môn (UNESCO, 2018).

Đối với giáo dục đại học, Uerz và cộng sự đề xuất khung năng lực số cho giảng viên gồm bốn lĩnh vực: (1) năng lực số chung; (2) năng lực thiết kế, triển khai và đánh giá giáo dục số; (3) năng lực hỗ trợ sinh viên phát triển năng lực số; và (4) năng lực giao tiếp, chia sẻ và hợp tác trong môi trường số. Khung này phản ánh sự gắn kết giữa năng lực công nghệ, năng lực sư phạm và năng lực hỗ trợ người học (Uerz et al., 2021).

Từ các cách tiếp cận trên và xét bối cảnh giáo dục đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh, có thể khái quát năm nhóm năng lực cần thiết đối với giảng viên như sau:

Thứ nhất, năng lực nghề nghiệp số nền tảng

Năng lực này bao gồm khai thác dữ liệu, sử dụng nền tảng số, bảo mật, an toàn số, giao tiếp và hợp tác trong môi trường số. Đây là lớp năng lực tối thiểu để giảng viên tham gia hiệu quả vào hệ sinh thái đại học số.

Thứ hai, năng lực thiết kế và tổ chức dạy học số

Năng lực này bao gồm lựa chọn tài nguyên số, thiết kế học liệu số, tổ chức lớp học kết hợp hoặc trực tuyến, điều phối tương tác, và hỗ trợ học tập cá thể hóa. Đây là nhóm năng lực biến công nghệ thành giá trị sư phạm.

Thứ ba, năng lực kiểm tra, đánh giá trong môi trường số

Năng lực này bao gồm thiết kế công cụ đánh giá số, phân tích dữ liệu học tập, phản hồi kịp thời, điều chỉnh hoạt động dạy học dựa trên minh chứng số. Đây là năng lực đặc biệt quan trọng trong dạy học đại học hiện đại, để bảo đảm chất lượng và học tập dựa trên dữ liệu.

Thứ tư, năng lực nghiên cứu và đổi mới học thuật trong môi trường số

Năng lực này bao gồm sử dụng công cụ số trong nghiên cứu, khai thác cơ sở dữ liệu, học liệu mở, AI hỗ trợ học thuật, cộng tác nghiên cứu số và công bố khoa học. Điểm này rất quan trọng vì giảng viên đại học không chỉ dạy mà còn nghiên cứu.

Thứ năm, năng lực dẫn dắt sinh viên hình thành năng lực số và đạo đức số

Năng lực này đòi hỏi giảng viên không chỉ biết dùng mà còn biết thiết kế hoạt động để sinh viên phát triển tư duy thông tin, hợp tác số, sáng tạo nội dung số, sử dụng công nghệ có trách nhiệm và an toàn. Đây là điểm gặp nhau giữa chất lượng giảng dạy, chuẩn đầu ra và trách nhiệm xã hội của giáo dục đại học.

2.3 Thực trạng năng lực số của giảng viên tại một số cơ sở giáo dục đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh

Phần này tổng hợp kết quả từ các nghiên cứu và thông tin công khai liên quan đến một số cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, dữ liệu tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành và Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh phản ánh trực tiếp kết quả khảo sát giảng viên; thông tin từ Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh chủ yếu phản ánh bối cảnh, hạ tầng và định hướng chuyển đổi số của cơ sở. Vì vậy, hai nhóm minh chứng này được sử dụng với mục đích phân tích khác nhau và không được xem là tương đương về giá trị đo lường năng lực số.

Tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, nghiên cứu khảo sát 57 giảng viên theo khung của Uerz và cộng sự cho thấy một số nhóm năng lực đạt điểm tương đối cao: sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học (4,43/5), tư duy tính toán (4,29/5) và tiếp cận, cập nhật công nghệ số (4,32/5). Các năng lực thiết kế và triển khai giáo dục số, hỗ trợ và giám sát học tập trong môi

trường số, đánh giá và điều chỉnh giáo dục cùng năng lực hỗ trợ sinh viên ứng dụng công nghệ số có điểm thấp hơn, khoảng 3,56–3,60/5 (Nguyễn Lan Phương & Lê Thị Thu Hiền, 2024). Kết quả gợi ý rằng giảng viên có nền tảng công nghệ và mức độ sẵn sàng tương đối tốt, nhưng còn khoảng cách ở các năng lực sư phạm số chuyên sâu, nhất là thiết kế trải nghiệm học tập, đánh giá số và phát triển năng lực số cho sinh viên.

Tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, nghiên cứu trên 200 giảng viên ghi nhận điểm trung bình của các thành phần năng lực sư phạm số dao động từ 3,5 đến 3,7 trên thang 5 điểm (Trần Tuyền, 2025). Mức điểm này cho thấy giảng viên đã có nền tảng tương đối tích cực, nhưng mức độ thành thạo chưa cao và chưa đồng đều. Sự khác biệt thể hiện rõ ở các năng lực chuyên sâu như thiết kế và tổ chức dạy học, kiểm tra và đánh giá trong môi trường số, nghiên cứu, cũng như hỗ trợ sinh viên phát triển năng lực và đạo đức số. Tuy nhiên, tác giả cần bổ sung đầy đủ thông tin nguồn và tiêu chí diễn giải thang đo để làm rõ ý nghĩa của khoảng điểm nêu trên.

Tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, việc hoàn thành giai đoạn 1 của trung tâm dữ liệu cán bộ, giảng viên và người lao động vào tháng 6/2025, với dữ liệu của hơn 6.000 người thuộc 33 đơn vị thành viên và trực thuộc, cho thấy sự chuyển dịch theo hướng quản trị dựa trên dữ liệu (ĐHQG-HCM, 2025). Đây là minh chứng về bối cảnh và hạ tầng chuyển đổi số, không phải kết quả đo lường trực tiếp năng lực số của giảng viên. Tuy vậy, môi trường quản trị số đặt ra yêu cầu củng cố năng lực khai thác dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin và thích ứng với quy trình làm việc số đối với đội ngũ giảng viên.

Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH) định hướng phát triển mô hình đại học thông minh dựa trên sáu trụ cột, hướng đến xây dựng hệ sinh thái số đồng bộ trong quản trị, đào tạo và nghiên cứu (UEH, 2025a). Đồng thời, UEH xác nhận từ tháng 8/2025 đã hợp tác với Pearson Higher Education và trở thành cơ sở giáo dục đại học đầu tiên tại Việt Nam triển khai toàn diện hệ sinh thái Pearson HE Digital Learning Platforms. Chương trình thí điểm có hơn 180 giảng viên và 16.000 người học; hệ sinh thái gồm MyLab, Revel, Pearson eTextbooks và VitalSource. Pearson eTextbooks cung cấp hơn 2.400 đầu sách điện tử (UEH, 2025b). Tương tự trường hợp Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, thông tin này phản ánh điều kiện tổ chức và định hướng chuyển đổi số hơn là mức năng lực thực tế của giảng viên. Có thể suy luận rằng hệ sinh thái số càng phát triển thì yêu cầu đối với giảng viên càng chuyển từ sử dụng công cụ sang chủ động thiết kế học tập số, khai thác dữ liệu, tham gia vận hành và đồng kiến tạo môi trường đại học số; tuy nhiên, nhận định này cần được kiểm chứng bằng dữ liệu khảo sát trực tiếp.

Từ các nguồn dữ liệu đã phân tích, có thể rút ra một số nhận định ban đầu về năng lực số của giảng viên tại các trường hợp được lựa chọn. Các nhận định này chỉ phản ánh những nguồn được khảo sát trong bài viết và không được khái quát cho toàn bộ cơ sở giáo dục đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ nhất, năng lực số của giảng viên đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh đã vượt qua giai đoạn khởi đầu. Nhiều giảng viên đã có nền tảng khá tốt về sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khai thác các nền tảng và công cụ số, tiếp cận học liệu điện tử cũng như chủ động cập nhật các công nghệ mới. Kết quả này gắn với quá trình đầu tư ngày càng mạnh mẽ của các trường đại học vào hạ tầng số, hệ thống quản trị, nền tảng dạy - học trực tuyến và nguồn học liệu số.

Thứ hai, các năng lực chuyên sâu hơn như thiết kế hoạt động học tập số, cá thể hóa quá trình học tập, tổ chức đánh giá trong môi trường số, phân tích dữ liệu học tập, phát triển năng lực số cho sinh viên và tích hợp công nghệ phù hợp với đặc thù môn học đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, mức độ làm chủ các năng lực này chưa đồng đều, cho thấy năng lực sư phạm số của giảng viên tại một số cơ sở vẫn chưa đạt đến mức độ trưởng thành.

Thứ ba, năng lực số của giảng viên chịu ảnh hưởng rõ nét từ môi trường thể chế và hệ sinh thái số của từng nhà trường. Những cơ sở có chiến lược chuyển đổi số rõ ràng, hệ thống dữ liệu tương đối đồng bộ, quy trình quản trị đào tạo số và cơ chế hỗ trợ phù hợp thường tạo điều

kiện thuận lợi hơn cho giảng viên phát triển năng lực một cách bền vững. Ngược lại, nếu nhà trường mới dừng ở đầu tư hạ tầng mà thiếu chính sách bồi dưỡng, thiếu cơ chế khuyến khích và thiếu bộ tiêu chí đánh giá nội bộ, năng lực số của giảng viên khó phát triển bền vững.

Thứ tư, Việt Nam đã có khung năng lực số dành cho người học, nhưng việc vận dụng một khung thống nhất, chuyên biệt cho giảng viên đại học vẫn cần được tiếp tục nghiên cứu. Khoảng trống này gây khó khăn cho việc chuẩn hóa đánh giá, xác định nhu cầu bồi dưỡng, xây dựng lộ trình phát triển năng lực và so sánh mức độ đáp ứng giữa các cơ sở giáo dục đại học.

2.4 Giải pháp phát triển năng lực số cho giảng viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học trong bối cảnh chuyển đổi số

Trên cơ sở kết quả phân tích thực trạng năng lực số của đội ngũ giảng viên tại một số cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời xuất phát từ yêu cầu đổi mới giáo dục đại học trong bối cảnh chuyển đổi số ngày càng sâu rộng, việc đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực số cho giảng viên cần được tiếp cận một cách đồng bộ, có hệ thống và phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng cơ sở giáo dục đại học. Theo đó, một số nhóm giải pháp trọng tâm cần tập trung vào các nội dung sau:

Thứ nhất, xây dựng khung tham chiếu năng lực số cho giảng viên đại học

Các cơ sở giáo dục đại học cần xây dựng khung tham chiếu năng lực số làm căn cứ đánh giá, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ. Khung cần thống nhất về định hướng nhưng có độ mở để từng trường cụ thể hóa theo đặc thù ngành nghề, loại hình đào tạo và mức độ chuyển đổi số. Có thể tham chiếu DigCompEdu, ICT CFT và khung của Uerz và cộng sự, đồng thời điều chỉnh cho phù hợp với chức năng giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng của giảng viên đại học Việt Nam.

Thứ hai, nâng cao nhận thức và tổ chức bồi dưỡng năng lực số theo nhu cầu

Các cơ sở giáo dục đại học cần nâng cao nhận thức của giảng viên và cán bộ quản lý về vai trò của năng lực số, đồng thời tổ chức bồi dưỡng theo trình độ, nhu cầu và lĩnh vực chuyên môn. Nội dung bồi dưỡng nên tập trung vào bốn nhóm: (1) dữ liệu, an toàn, bản quyền và đạo đức số; (2) thiết kế học tập và học liệu số; (3) kiểm tra, đánh giá và phân tích dữ liệu học tập; (4) ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công cụ số trong nghiên cứu, giảng dạy và cố vấn học tập. Việc bồi dưỡng cần kết hợp hướng dẫn, thực hành, hỗ trợ sau tập huấn và đánh giá sản phẩm để bảo đảm khả năng chuyển giao vào thực tiễn.

Thứ ba, xây dựng cơ chế đánh giá, công nhận và khuyến khích phát triển năng lực số

Cùng với bồi dưỡng, cần thiết lập cơ chế đánh giá và công nhận năng lực số dựa trên minh chứng thực tiễn trong giảng dạy, nghiên cứu và hỗ trợ người học. Kết quả đánh giá có thể được sử dụng trong xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp, bố trí hỗ trợ phù hợp và ghi nhận thành tích. Tiêu chí đánh giá cần minh bạch, chú trọng chất lượng ứng dụng và tác động đến người học, tránh đồng nhất năng lực số với số lượng công cụ được sử dụng.

Thứ tư, tăng cường tổ chức dạy học gắn với môi trường số

Năng lực số của giảng viên không thể hình thành và phát triển bền vững nếu chỉ được bồi dưỡng trong các khóa tập huấn tách rời thực tiễn. Môi trường tốt nhất để phát triển năng lực số chính là quá trình giảng viên trực tiếp thiết kế, tổ chức và điều chỉnh hoạt động dạy học trong môi trường số. Vì vậy, các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh cần thúc đẩy việc tổ chức dạy và học gắn với hệ sinh thái số như một yêu cầu thường xuyên, thay vì chỉ triển khai trong những giai đoạn đặc biệt. Khi hoạt động dạy và học được vận hành thường xuyên trong môi trường số, giảng viên sẽ có điều kiện rèn luyện năng lực nghề nghiệp một cách thực chất.

Thứ năm, hoàn thiện hạ tầng số và hệ thống hỗ trợ giảng viên

Hạ tầng số là điều kiện cần để giảng viên phát triển và vận dụng năng lực số. Các trường cần bảo đảm nền tảng công nghệ ổn định, thiết bị phù hợp, đường truyền an toàn, phần mềm đồng bộ và khả năng tiếp cận công bằng. Tuy nhiên, đầu tư hạ tầng phải gắn với quy trình quản trị, chính sách dữ liệu và nhu cầu sư phạm; nếu chỉ trang bị công nghệ mà thiếu hỗ trợ chuyên môn, hiệu quả sử dụng sẽ hạn chế.

Các hạng mục ưu tiên có thể gồm hệ thống quản lý học tập, nền tảng hội nghị trực tuyến, phòng học thông minh, thiết bị sản xuất học liệu, thư viện số, cơ sở dữ liệu học thuật, công cụ đánh giá trực tuyến và phần mềm hỗ trợ nghiên cứu. Song song với đầu tư thiết bị, cần xây dựng bộ phận hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ sư phạm số để tư vấn, xử lý sự cố và đồng hành với giảng viên trong quá trình triển khai.

3. Kết luận

Phát triển năng lực số cho giảng viên đại học là yêu cầu tất yếu trong tiến trình đổi mới giáo dục và chuyển đổi số, đặc biệt tại Thành phố Hồ Chí Minh, một trung tâm lớn về giáo dục đại học, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Phân tích các khung lý thuyết và dữ liệu thứ cấp cho thấy giảng viên tại một số trường hợp được khảo sát đã hình thành nền tảng tương đối tích cực về tiếp cận và sử dụng công nghệ. Tuy nhiên, các năng lực sư phạm số chuyên sâu như thiết kế học tập, kiểm tra và đánh giá trong môi trường số, hỗ trợ học tập cá thể hóa, phát triển năng lực số cho sinh viên và khai thác dữ liệu học tập còn chưa đồng đều. Do phạm vi nguồn dữ liệu còn hạn chế và không đồng nhất, các kết quả chỉ có giá trị gợi mở, chưa đại diện cho toàn bộ giảng viên đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong giai đoạn tới, các cơ sở giáo dục đại học cần xem phát triển năng lực số là một nội dung chiến lược của phát triển đội ngũ, gắn với khung năng lực, bồi dưỡng theo nhu cầu, đánh giá bằng minh chứng, thực hành thường xuyên và hệ thống hỗ trợ phù hợp. Các nghiên cứu tiếp theo nên tiến hành khảo sát trực tiếp trên mẫu lớn, đa dạng loại hình trường; mô tả rõ công cụ và thang đo; đồng thời xem xét mối quan hệ giữa năng lực số của giảng viên với chất lượng dạy học và kết quả học tập của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). *Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định Khung năng lực số cho người học*. <https://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=175173>
- Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. (2025a). *UEH hoàn thiện hệ sinh thái số: Chuẩn hóa quy trình quản lý đào tạo các bậc hệ trên nền tảng trực tuyến*. <https://ueh.edu.vn/cuoc-song-ueh/tin-tuc/ueh-hoan-thien-he-sinh-thai-so-chuan-hoa-quy-trinh-quan-ly-dao-tao-cac-bac-he-tren-nen-tang-truc-tuyen%C2%A0-75060>
- Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. (2025b). *Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh - Đại học tiên phong ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy và học tập*. <https://www.ueh.edu.vn/cuoc-song-ueh/tin-tuc/dai-hoc-kinh-te-thanh-pho-ho-chi-minh-dai-hoc-tien-phong-ung-dung-cong-nghe-so-trong-giang-day-va-hoc-tap-74819>
- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. (2025). *Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: Hoàn thành xây dựng Trung tâm Dữ liệu cán bộ, giảng viên, người lao động*. <https://research.vnuhcm.edu.vn/index.php/vi/2025/06/19/dai-hoc-quoc-gia-thanh-pho-ho-chi-minh-hoan-thanh-xay-dung-trung-tam-du-lieu-can-bo-giang-vien-nguoi-lao-dong/>
- Nguyễn Lan Phương, & Lê Thị Thu Hiền. (2024). *Phát triển năng lực số cho giảng viên đại học trong bối cảnh hội nhập: Nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành*. Tạp chí Giáo dục, 24 (9), 7-12. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/1755>
- Redecker, C. (2017). *European framework for the digital competence of educators: DigCompEdu* (Y. Punie, Ed.). Publications Office of the European Union. <https://doi.org/10.2760/159770>
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”*. <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?docid=205236&pageid=27160>

- Trần Tuyên. (2025). *Năng lực sư phạm số của giảng viên: Nghiên cứu tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 21 (12), 79-87.
- Uerz, D., van Zanten, M., van der Neut, I., Tondeur, J., Kral, M., Gorissen, P., & Howard, S. K. (2021). *A digital competences framework for lecturers in higher education*. Utrecht: Acceleration Plan Educational Innovation with IT. <https://www.versnellingsplan.nl/en/Kennisbank/framework-for-digital-competences-of-lecturers/index.html>
- UNESCO. (2018). *UNESCO ICT Competency Framework for Teachers (Version 3)*. UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000265721>